

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
CÔNG NGHỆ HVC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 32 /CV/HVC/2020

V/v: Giải trình số liệu BCTC Quý IV  
năm 2020

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Về việc công bố báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2020 của Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC giải trình số liệu như sau:

**1. Báo cáo tài chính riêng:**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý IV/2020 của Công ty giảm 26,9 tỷ so với cùng kỳ năm 2019 tương ứng với tỷ lệ 21,77%. Doanh thu sụt giảm so với cùng kỳ năm 2019 đã kéo theo lợi nhuận sau thuế Quý IV/2020 của Công ty giảm 11,1 tỷ tương ứng với tỷ lệ 99,28% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chính của sự sụt giảm lợi nhuận sau thuế này là do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng tới số lượng hợp đồng mới và tiến độ thi công, nghiệm thu của các dự án dở dang trong khi đó Công ty vẫn phải duy trì chi phí quản lý, chi phí nhân công tại các dự án này.

**2. Báo cáo tài chính hợp nhất:**

Do tác động dịch bệnh Covid-19 sâu rộng đến tình hình kinh tế nói chung và ngành dịch vụ, xây lắp nói riêng, Doanh thu hợp nhất Quý IV/2020 của Công ty sụt giảm 30,2 tỷ so với cùng kỳ năm 2019 tương ứng với tỷ lệ 20,75%. Việc các Công ty con hoạt động tương đối hiệu quả hơn đã đóng góp giúp lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý IV năm 2020 của Công ty chỉ giảm 1,7 tỷ so với cùng kỳ năm 2019 tương ứng với tỷ lệ 37,18% (so với hơn 11 tỷ tại Công ty mẹ).

*Trân trọng./.*

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu; Hành chính

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**   
(Ký, ghi rõ họ tên)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Đỗ Huy Cường*

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ IV/2020**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>190.715.654.951</b>	<b>211.075.423.704</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>784.688.723</b>	<b>27.056.126.966</b>
Tiền	111		784.688.723	3.768.726.966
Các khoản tương đương tiền	112		-	23.287.400.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>13.300.000.000</b>	<b>4.300.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2a	13.300.000.000	4.300.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>138.225.139.870</b>	<b>133.712.625.975</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	101.613.106.850	109.917.201.795
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	27.652.550.614	6.428.698.383
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	12.272.343.390	18.019.272.412
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(3.312.860.984)	(652.546.615)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>37.035.522.615</b>	<b>46.006.670.763</b>
Hàng tồn kho	141	5.7	37.035.522.615	46.006.670.763
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.370.303.743</b>	<b>-</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.260.911.486	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		109.392.257	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>231.209.166.391</b>	<b>142.209.013.864</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>160.820.000</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	160.820.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.417.499.340</b>	<b>26.650.199.597</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	25.417.499.340	26.650.199.597
- Nguyên giá	222		30.774.938.811	30.488.592.446
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.357.439.471)	(3.838.392.849)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>42.293.782.000</b>	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242	5.9	42.293.782.000	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2b</b>	<b>163.320.000.000</b>	<b>114.900.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		114.900.000.000	114.900.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		48.420.000.000	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>5.10</b>	<b>177.885.051</b>	<b>497.994.267</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		177.885.051	497.994.267
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>421.924.821.342</b>	<b>353.284.437.568</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>137.338.572.527</b>	<b>73.106.755.128</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>137.338.572.527</b>	<b>73.106.755.128</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	55.570.138.615	42.895.102.245
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	13.695.893.253	12.475.764.333
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.742.999.728	13.742.949.983
Phải trả người lao động	314		1.382.109.415	3.300.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		116.166.667	200.000.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	9.203.251.875	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	53.628.012.974	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.16	1.000.000.000	492.938.567
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>284.586.248.815</b>	<b>280.177.682.440</b>
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	284.586.248.815	280.177.682.440
Vốn góp của chủ sở hữu	411		219.499.950.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		219.499.950.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(4.390.693.200)	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	(8.500.000.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69.476.992.015	88.677.682.440
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		59.427.732.440	41.501.511.398
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.049.259.575	47.176.171.042
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>421.924.821.342</b>	<b>353.284.437.568</b>

Ngày 28 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Mận

Vũ Thị Nga

Đỗ Huy Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý IV năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV Năm 2020		Quý IV Năm 2019		Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2019
			Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2020	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2019			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	96.786.814.668	330.213.931.361	123.719.393.055	451.083.393.533	
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>96.786.814.668</b>	<b>330.213.931.361</b>	<b>123.719.393.055</b>	<b>451.083.393.533</b>	
Giá vốn hàng bán	11	6.2	92.528.553.031	288.607.331.053	107.470.575.623	368.113.344.973	
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>4.258.261.637</b>	<b>41.606.600.308</b>	<b>16.248.817.432</b>	<b>82.970.048.560</b>	
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	50.273.002	226.433.629	4.869.707.626	7.874.875.415	
Chi phí tài chính	22		729.504.300	814.320.803	-	2.227.455	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		729.504.300	814.320.803	-	2.227.455	
Chi phí bán hàng	25	6.4	(1.797.637.037)	4.065.987.118	767.726.376	5.410.220.269	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	5.055.202.341	23.940.045.933	7.591.463.547	26.574.892.357	
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>321.465.035</b>	<b>13.012.680.083</b>	<b>12.759.335.135</b>	<b>58.857.583.894</b>	
Thu nhập khác	31	6.6	40.775.045	195.297.698	999.501.758	146.115.955	
Chi phí khác	32	6.7	89.177.012	474.148.413	785.178.032	938.480.971	
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(48.401.967)</b>	<b>(278.850.715)</b>	<b>214.323.726</b>	<b>(792.365.016)</b>	
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>273.063.068</b>	<b>12.733.829.368</b>	<b>12.973.658.861</b>	<b>58.065.218.878</b>	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	192.416.533	2.684.569.793	1.757.811.885	10.889.047.836	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.9	-	-	-	-	
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>80.646.535</b>	<b>10.049.259.575</b>	<b>11.215.846.976</b>	<b>47.176.171.042</b>	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Mận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Nga

Ngày 28 tháng 01 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Huy Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)**

Quý IV năm 2020

Đơn vị: VND

<b>KHOẢN MỤC</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	<b>12.733.829.368</b>	<b>58.065.218.878</b>
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.519.046.622	1.496.848.751
- Các khoản dự phòng	03	3.167.375.801	(1.008.066.480)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(226.433.629)	(7.604.182.100)
- Chi phí lãi vay	06	813.727.784	2.227.455
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	<b>18.007.545.946</b>	<b>50.952.046.504</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.668.655.206)	(14.126.048.097)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8.971.148.147	23.118.237.380
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	18.375.684.818	10.534.022.187
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	320.109.216	606.102.659
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(777.561.117)	(2.227.455)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.953.952.538)	(8.691.525.810)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(200.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>25.274.319.266</b>	<b>62.190.607.368</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(42.293.782.000)	(4.513.196.973)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	-	909.090.909
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(28.000.000.000)	(4.300.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	19.000.000.000	23.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(48.420.000.000)	(53.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	26.250.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	180.704.717	2.264.729.723
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(99.533.077.283)</b>	<b>(9.889.376.341)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)**

Quý IV năm 2020

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	4.109.306.800	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(8.500.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33	112.139.588.719	1.451.823.596
Tiền trả nợ gốc vay	34	(58.511.575.745)	(1.451.823.596)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.750.000.000)	(20.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>47.987.319.774</b>	<b>(28.500.000.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>27.056.126.966</b>	<b>3.254.895.940</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>784.688.723</b>	<b>27.056.126.967</b>

Ngày 28 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Mận

Vũ Thị Ngà

Đỗ Huy Cường

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV năm 2020

### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 20 (lần gần nhất) ngày 06 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Các công ty con của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 gồm:

Tên	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con:</b>			
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	84,86%	84,86%	84,86%
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	90,00%	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	95,00%	95,00%	95,00%

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng	Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh	Số 39 đường 19, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
Kho hàng - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	Thôn Thọ Bình – Xã Tân Dân, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính riêng Quý IV năm 2020 của Công ty.

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho Quý IV năm 2020 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3. Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

**4.4. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- |                    |   |
|--------------------|---|
| - Sản phẩm dở dang | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo từng công trình |
| - Hàng hóa         | Bình quân gia quyền   |

**4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

***Tài sản cố định hữu hình***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định,

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Tài sản cố định khác	04 – 06 năm

**4.7. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

***Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**4.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.9. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4.10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.11. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**4.12. Dự phòng phải trả**

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty trong Quý I năm 2020 được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành, cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ lệ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.
- Các công trình có tỷ lệ trọng hàng hóa chiếm dưới 80%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 20% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

**4.13. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

***Các quỹ***

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.14. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4.15. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**4.16. Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 10%.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

***Các loại thuế khác:*** Theo quy định hiện hành của Việt Nam.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

**4.17. Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.18. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**4.19. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Tiền mặt	36.668.668	586.359.138
Tiền gửi ngân hàng	748.020.055	3.182.367.828
Các khoản tương đương tiền	-	23.287.400.000
<b>Cộng</b>	<b>784.688.723</b>	<b>27.056.126.966</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2020</b>		<b>01/01/2020</b>	
	<b>(VND)</b>		<b>(VND)</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	13.300.000.000	13.300.000.000	4.300.000.000	4.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.300.000.000</b>	<b>13.300.000.000</b>	<b>4.300.000.000</b>	<b>4.300.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>114.900.000.000</b>	-	(*)	<b>114.900.000.000</b>	-	(*)
Công ty TNHH HVC Hưng Yên (i)	59.400.000.000	-	(*)	59.400.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (ii)	27.000.000.000	-	(*)	27.000.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (iii)	28.500.000.000	-	(*)	28.500.000.000	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>114.900.000.000</b>	-	(*)	<b>114.900.000.000</b>	-	(*)

(i) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900982165 ngày 11/01/2016, thay đổi lần thứ 3 ngày 18/06/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 18/06/2019 là 70.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 84,86% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại ngày 30 tháng 09 năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng.

(ii) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108433496 ngày 14/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC là 27.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 90,00% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại ngày 30 tháng 09 năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC là 27.000.000.000 đồng.

(iii) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108761458 ngày 29 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park là 28.500.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 95,00% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại ngày 30 tháng 09 năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park là 28.500.000.000 đồng.

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>Các khách hàng là bên liên quan</b>	<b>6.591.229.559</b>	<b>5.118.224.592</b>
- Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	6.591.229.559	5.118.224.592
<b>Các khách hàng là bên thứ ba</b>	<b>62.808.555.208</b>	<b>104.798.977.203</b>
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Gia Lâm	50.441.954.469	24.759.678.739
- Công ty Cổ phần Bể bơi Thông minh Spool	-	16.662.667.500
- Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	4.124.593.884	14.653.566.727
- Công ty TNHH Việt nam Grand Prix	995.942.175	6.855.146.852
- Công ty TNHH Khu du lịch Vịnh Thiên Đường (ALMA)	-	5.407.432.617
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Vinpearl	3.944.178.097	3.878.711.261
- Công ty Cổ phần Vincom Retail	-	4.196.893.498
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trí Việt	-	3.754.132.788
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Hà	1.210.307.528	2.510.307.528
- Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp OLYMPIA	2.091.579.055	2.113.549.803
- Các khách hàng khác	32.213.322.083	20.006.889.890
<b>Cộng</b>	<b>101.613.106.850</b>	<b>109.917.201.795</b>

**5.4 Trả trước cho người bán**

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
- Guangdong Pooling Eiltration Equipment Manufacturing	149.700.650	1.231.978.997
- Aqvastar Smart Flow Solutions	956.829.154	801.316.894
- EMEC SRL	234.999.570	833.781.805
- Công ty Cổ phần Bể bơi thông minh SPOOL	24.321.956.885	924.447.314
- Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	-	640.935.764
- Công ty TNHH sản xuất và TM Nam Á	336.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	1.653.064.355	1.996.237.609
<b>Cộng</b>	<b>27.652.550.614</b>	<b>6.428.698.383</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

**5.5 Phải thu khác**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.448.900.624	-	8.009.279.707	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	10.279.267.925	-	5.675.922.183	-
- Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.402.352	-	3.399.188	-
- Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	9.699.192.358	-	5.459.222.995	-
- Các khoản ký quỹ, ký cược khác	576.673.215	-	213.300.000	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>544.174.841</b>	-	<b>4.334.070.522</b>	-
<b>Phải thu khác là bên liên quan</b>	<b>544.174.841</b>	-	<b>4.193.258.639</b>	-
- Công ty TNHH HVC Hưng Yên	-	-	4.193.258.639	-
- bị vui chơi giải trí HVC Park	544.174.841	-	-	-
<b>Phải thu khác là bên thứ ba</b>	-	-	<b>140.811.883</b>	-
- Trích trước lãi tiền gửi	-	-	140.811.883	-
<b>Cộng</b>	<b>12.272.343.390</b>	-	<b>18.019.272.412</b>	-

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi: Từ 03 năm trở lên</b>	<b>5.912.860.983</b>	<b>2.600.000.000</b>	<b>712.860.983</b>	<b>60.314.368</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	154.253.091	-	154.253.091	-
- Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương	282.800.000	-	282.800.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Long HABICO	74.760.000	-	74.760.000	-
<b>Từ 02 đến dưới 03 năm</b>	<b>5.401.047.892</b>	<b>2.600.000.000</b>	<b>259.243.544</b>	<b>60.314.368</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyên Xanh	75.637.210	-	75.637.210	37.818.605
- Nhà thiếu nhi Tỉnh Hải Dương	13.975.400	-	13.975.400	6.987.700
- Công ty Cổ phần Đầu tư DHC	79.437.673	-	79.437.673	23.831.302
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Trung Kính	31.997.609	-	31.997.609	9.599.283
- Công ty cổ phần phát triển địa ốc Cienco 5	5.200.000.000	2.600.000.000		

**Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Lũy kế đến 31/12/2020 (VND)	Lũy kế đến 31/12/2019 (VND)
Số đầu năm	652.546.615	641.434.863
Trích lập dự phòng trong kỳ	2.660.314.368	40.209.578
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(29.097.826)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.312.860.984</b>	<b>652.546.615</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.612.777.240	-	29.961.867.965	-
- Hàng hóa	15.422.745.375	-	16.044.802.798	-
<b>Cộng</b>	<b>37.035.522.615</b>	<b>-</b>	<b>46.006.670.763</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2020	28.106.425.664	312.675.200	1.942.491.582	127.000.000	30.488.592.446
Mua trong kỳ	286.346.365	-	-	-	286.346.365
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
31/12/2020	<u>28.392.772.029</u>	<u>312.675.200</u>	<u>1.942.491.582</u>	<u>127.000.000</u>	<u>30.774.938.811</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	170.818.182	260.000.000	625.278.182	-	1.056.096.364
Giá trị hao mòn					
01/01/2020	2.546.980.692	286.009.569	1.002.756.755	2.645.833	3.838.392.849
Khấu hao trong kỳ	1.199.349.573	21.757.926	266.189.127	31.749.996	1.519.046.622
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
31/12/2020	<u>3.746.330.265</u>	<u>307.767.495</u>	<u>1.268.945.882</u>	<u>34.395.829</u>	<u>5.357.439.471</u>
Giá trị còn lại					
01/01/2020	25.559.444.972	26.665.631	939.734.827	124.354.167	26.650.199.597
31/12/2020	<u>24.646.441.769</u>	<u>4.907.712</u>	<u>673.545.691</u>	<u>92.604.171</u>	<u>25.417.499.340</u>

**5.9 Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Đầu tư xây dựng cơ bản Dự án Hòa Bình	42.293.782.000	-
Cộng	<u>42.293.782.000</u>	<u>-</u>

**5.10 Tài sản dài hạn khác****Chi phí trả trước dài hạn**

	01/01/2020 (VND)	Tăng trong kỳ (VND)	Phân bổ chi phí trong kỳ (VND)	31/12/2020 (VND)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	497.994.267	123.136.363	(443.245.579)	177.885.051
Cộng	<u>497.994.267</u>	<u>123.136.363</u>	<u>(443.245.579)</u>	<u>177.885.051</u>

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các nhà cung cấp là bên liên quan	17.832.136.169	17.832.136.169	4.339.112.054	4.339.112.054
- Công Ty TNHH Tổng Thầu Cơ Điện HVC	17.832.136.169	17.832.136.169	4.339.112.054	4.339.112.054
Các nhà cung cấp là bên thứ ba	21.079.634.356	21.079.634.356	38.555.990.191	38.555.990.191

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Gia Vinh	2.225.114.538	2.225.114.538	5.472.043.653	5.472.043.653
- Công ty Cổ phần May Hồ Gươm	4.016.877.786	4.016.877.786	4.016.877.786	4.016.877.786
- Công ty Cổ phần Thương mại Vật liệu Điện Nam Hà Nội	348.207.094	348.207.094	2.397.024.635	2.397.024.635
- Công ty TNHH Thương mại Thanh Mơ	-	-	1.910.928.704	1.910.928.704
- Công ty TNHH Vật Liệu Điện Duy Tân	6.408.312.596	6.408.312.596	-	-
- Công ty Cổ Phần thi công cơ giới và xây dựng Tiến Huy	2.410.227.605	2.410.227.605	-	-
- Các nhà cung cấp khác	40.161.398.996	40.161.398.996	24.759.115.413	24.759.115.413
<b>Cộng</b>	<b>55.570.138.615</b>	<b>55.570.138.615</b>	<b>42.895.102.245</b>	<b>42.895.102.245</b>

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
- Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc	-	5.447.510.194
- Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Xanh	2.771.719.425	6.477.747.632
- Công ty Cổ phần Vinhomes	9.531.319.915	-
- Công ty TNHH Kt điện và CNMT DH	368.094.882	-
- Các khách hàng khác	1.024.759.031	550.506.507
<b>Cộng</b>	<b>13.695.893.253</b>	<b>12.475.764.333</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.673.811.823	2.673.811.823
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.684.569.793	2.684.569.793	10.953.952.538	10.953.952.538
Thuế thu nhập cá nhân	58.429.935	58.429.935	75.148.822	75.148.822
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	40.036.800	40.036.800
<b>Cộng</b>	<b>2.742.999.728</b>	<b>2.742.999.728</b>	<b>13.742.949.983</b>	<b>13.742.949.983</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.14 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
- BH y tế, BHTN, BHXH	-	-
- Phải trả ngắn hạn khác	9.203.251.875	-
<b>Cộng</b>	<b>9.203.251.875</b>	<b>-</b>

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>Ngắn hạn</b>		
- Vay ngắn hạn ngân hàng Techcombank	22.628.012.974	-
- Vay ngắn hạn ngân hàng Vietcombank	20.000.000.000	-
- Vay khác	11.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>53.628.012.974</b>	<b>-</b>

**5.16 Dự phòng phải trả**

	30/09/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>Ngắn hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.000.000.000	492.938.567
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>492.938.567</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

**5.17 Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn CP	Cổ phiếu quỹ (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
<b>01/01/2019</b>	<b>200.000.000.000</b>	-	-	<b>61.701.511.398</b>	<b>261.701.511.398</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	47.176.171.042	47.176.171.042
Mua cổ phiếu quỹ năm nay	-	-	(8.500.000.000)	-	(8.500.000.000)
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Chi trả thù lao cho HĐQT và BKS	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
<b>31/12/2019</b>	<b>200.000.000.000</b>	-	<b>(8.500.000.000)</b>	<b>88.677.682.440</b>	<b>280.177.682.440</b>
<b>01/01/2020</b>	<b>200.000.000.000</b>	-	<b>(8.500.000.000)</b>	<b>88.677.682.440</b>	<b>280.177.682.440</b>
Lãi trong năm này	-	-	-	10.049.259.575	10.049.259.575
Phát hành CP chi trả cổ tức	19.499.950.000	-	-	-	19.499.950.000
Bán CP quỹ trong kỳ	-	(4.390.693.200)	8.500.000.000	-	4.109.306.800
Tạm ứng cổ tức năm 2019	-	-	-	(9.750.000.000)	(9.750.000.000)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	(19.499.950.000)	(19.499.950.000)
<b>31/12/2020</b>	<b>219.499.950.000</b>	<b>(4.390.693.200)</b>	-	<b>69.476.992.015</b>	<b>284.586.248.815</b>

**Cổ phiếu**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.949.995	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21.949.995	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.949.995	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(135.000)	(500.000)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(135.000)	(500.000)
Số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức	1.949.995	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.949.995	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.814.995	19.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.814.995	19.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	19.499.950.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	219.499.950.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	29.249.950.000	20.000.000.000

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG****6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý IV năm 2020 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2020 (VND)	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2019 (VND)
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>96.786.814.668</b>	<b>330.213.931.361</b>	<b>123.719.393.055</b>	<b>451.083.393.533</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	44.565.166.651	86.467.502.136	29.586.747.255	108.610.623.997
- Doanh thu thi công lắp đặt công trình	52.221.648.017	243.746.429.225	94.126.645.800	342.466.769.536
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>96.786.814.668</b>	<b>330.213.931.361</b>	<b>123.719.393.055</b>	<b>451.083.393.533</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Quý IV năm 2020 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2020 (VND)	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2019 (VND)
- Giá vốn bán hàng hóa	58.014.712.620	76.456.620.697	27.988.872.696	104.614.015.337
- Giá vốn thi công lắp đặt công trình	34.513.840.411	212.150.710.356	79.481.702.927	263.499.329.636
<b>Tổng giá vốn</b>	<b>92.528.553.031</b>	<b>288.607.331.053</b>	<b>107.470.575.623</b>	<b>368.113.344.973</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý IV năm 2020 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2020 (VND)	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2019 (VND)
- Lãi tiền gửi	50.273.002	226.433.629	698.998.395	2.405.541.606
- Cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	-	-	4.184.599.439	5.434.599.439
- Lãi từ chênh lệch tỷ giá	-	-	13.890.208	34.734.370
<b>Tổng</b>	<b>50.273.002</b>	<b>226.433.629</b>	<b>4.869.707.626</b>	<b>7.874.875.415</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

**6.4. Chi phí bán hàng**

	Quý IV năm 2020 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2020 (VND)	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2019 (VND)
- Chi phí bảo hành công trình	(2.910.037.037)	1.356.178.085	136.055.840	561.828.341
- Chi phí dịch vụ mua ngoài			440.307.460	1.162.454.768
- Chi phí bằng tiền khác	1.112.400.000	2.709.809.033	95.600.000	3.685.237.160
<b>Tổng</b>	<b>(1.797.637.037)</b>	<b>4.065.987.118</b>	<b>671.963.300</b>	<b>5.410.220.269</b>

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý IV năm 2020 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2020 (VND)	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2019 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	3.633.063.885	14.990.829.280	4.233.767.055	18.804.821.091
- Chi phí đồ dùng quản lý	74.778.786	443.245.579	-	1.041.332.566
- Chi phí khấu hao TSCĐ	352.571.690	1.505.390.306	622.691.700	1.496.848.751
- Thuế phí lệ phí	81.261.722	269.587.569	52.447.590	287.932.540
Hoàn nhập, trích lập dự phòng	-	2.660.314.368	1.402.483.881	11.111.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	828.707.323	3.076.200.000	1.021.682.597	4.192.215.117
- Chi phí bằng tiền khác	340.141.523	994.478.831	121.888.888	740.630.540
<b>Tổng</b>	<b>5.055.202.341</b>	<b>23.940.045.933</b>	<b>7.454.961.711</b>	<b>26.574.892.358</b>

**6.6. Thu nhập khác**

	Quý IV năm 2020 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2020 (VND)	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2019 (VND)
- Thu nhập khác	40.775.045	195.297.698	-	146.115.955
<b>Tổng</b>	<b>40.775.045</b>	<b>195.297.698</b>	<b>-</b>	<b>146.115.955</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Quý IV năm 2020

**6.7. Chi phí khác**

	Quý IV năm 2020 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2020 (VND)	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2019 (VND)
- Lỗ thanh lý TSCĐ			235.958.945	235.958.945
- Phạt thuế và phạt vi phạm hành chính	31.609.546	102.520.663	13.874.315	344.236.692
- Phạt vi phạm quy chế lao động tại công trường	-	88.000.000	-	-
- Chi phí khác	58.067.466	284.127.753	14.067.454	358.285.334
<b>Tổng</b>	<b>89.677.012</b>	<b>474.648.413</b>	<b>263.900.714</b>	<b>938.480.971</b>

**6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	năm 2020 (VND)	năm 2019 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.684.569.793	10.889.047.836
<b>Cộng</b>	<b>2.684.569.793</b>	<b>10.889.047.836</b>

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:*

	năm 2020 (VND)	năm 2019 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.733.829.368	58.065.218.878
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	-	(3.619.979.696)
- Điều chỉnh tăng	-	808.248.834
+ Chi phí không hợp lệ	689.019.597	797.137.082
- Điều chỉnh giảm	-	4.428.228.530
Thu nhập tính thuế	13.422.848.965	54.455.239.182
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.684.569.793</b>	<b>10.889.047.836</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có****7.2. Tình hoạt động liên tục của Công ty**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
Quý IV năm 2020

Ngày 28 tháng 01 năm 2021

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**Nguyễn Thị Mận**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Vũ Thị Ngà**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đỗ Huy Cường**